

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3173/2024/KDTM-ST
Ngày: 17/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
bảo vệ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Ngọc Dương;
- Ông Võ Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
(thuộc trường hợp không phải tham gia phiên tòa).

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 502/2023/TLST-KDTM ngày 01/12/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo vệ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3673/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 4617/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A

Trụ sở: 364/1 Đường B, Phường M, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1974 (theo văn bản ủy quyền số 3010/2023/UQ ngày 02/11/2023 của Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần B

Trụ sở: số 65 đường M, phường A, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Nhật, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: 18 đường Q, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo văn bản ủy quyền số: 862/2023/PVC LAND-VBUQ ngày 02/4/2024 của Công ty cổ phần B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 11 tháng 4 năm 2016, Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A (sau đây gọi là “Công ty A”) có ký hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 427-16/HLH/PTVNLM với Công ty cổ phần B, có trụ sở tại địa chỉ số 65 đường M, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là “PVC LAND”). Theo đó, hai bên có ký các phụ lục hợp đồng số: 427-16.1/HLH/PTVNLM ngày 01/06/2016; số 427-16.2/HLH/PTVNLM ngày 10/10/2016; số 427-16.3/HLH/PTVNLM ngày 11/12/2016; số 427-16.4/HLH/PTVNLM ngày 09/04/2017; số 427-16.6/HLH/PTVNLM ngày 10/04/2018; số 427-16.8/HLH/PTVNLM ngày 10/04/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời gian từ 06/03/2019 đến 09/09/2023 phía PVC LAND luôn chậm thanh toán, đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Theo đó, phát sinh khoản tiền lãi chậm thanh toán theo như thỏa thuận tại các hợp đồng hai bên ký kết. Số tiền lãi phát sinh tính theo quy định của hợp đồng tạm tính đến ngày 09/09/2023 là 403.015.955 đồng. Chi tiết về tiền dịch vụ và thanh toán của PVC LAND cho Công ty A như sau: Tổng số tiền PVC LAND phải thanh toán cho Công ty A là 1.604.840.045 đồng (bao gồm tiền dịch vụ và lãi chậm trả). Trong đó: PVC LAND đã thanh toán: 900.000.000 đồng; Tiền dịch vụ Công ty A đồng ý giảm trừ: 301.824.050 đồng; Số tiền lãi chậm thanh toán phát sinh: 403.015.995 đồng. Như vậy, tính đến ngày 09/09/2023, là ngày PVC LAND thanh toán hết khoản tiền dịch vụ sau khi được Công ty CP DV Bảo vệ Hoàng Long Hải giảm trừ, thì PVC LAND còn nợ số tiền là 403.015.955 đồng, là khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Phía Công ty A đã nhiều lần làm việc và có công văn đề nghị thanh toán nhưng phía PVC LAND né tránh, không trả lời văn bản cũng như không thực hiện bất cứ nghĩa vụ thanh toán nào đối với khoản tiền nói trên. Do vậy, Công ty A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc PVC LAND thanh toán ngay số tiền: 403.015.955 đồng là khoản tiền lãi phát sinh do phía PVC LAND chậm thanh toán theo hợp đồng tính đến ngày 09/09/2023.

(2) Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng: Công ty cổ phần B (sau đây gọi là “PVC LAND”) có ký kết và thực hiện Hợp đồng Cung ứng dịch vụ bảo vệ với Công ty A (sau đây gọi là “Công ty A”) Hợp đồng số 427-16/HLH/PTVNLM vào ngày 11/4/2016 và các phụ lục hợp đồng sau: Phụ lục số 427-16.1/HLH/PTVNLM ngày 01/4/2016; Phụ lục số 427-16.2/HLH/PTVNLM ngày 10/10/2016; Phụ lục số 427-16.3/HLH/PTVNLM ngày 11/12/2016; Phụ lục số 427-16.4/HLH/PTVNLM ngày 09/4/2017; Phụ lục số 427-16.5/HLH/PTVNLM ngày 10/10/2017; Phụ lục số 427-16.6/HLH/PTVNLM ngày 11/4/2018; Phụ lục số 427-16.7/HLH/PTVNLM ngày 11/10/2018; Phụ lục số 427-16.8/HLH/PTVNLM ngày 10/4/2019. Sau đây gọi tắt Hợp đồng số 427-16/HLH/PTVNLM vào ngày 11/4/2016 và các phụ lục hợp đồng nêu trên là “Hợp đồng”. Quá trình xác nhận và thanh toán công nợ của PVC LAND cụ thể như sau: Năm 2022, PVC LAND có sự

thay đổi Ban lãnh đạo và điều hành của Công ty. Tại thời điểm này, Ban lãnh đạo mới của PVC LAND đã ngay lập tức rà soát công nợ còn tồn đọng với Công ty A, tuy nhiên chưa đủ cơ sở để xác nhận. Do đó, từ năm 2022, PVC LAND đã tích cực phối hợp, làm việc với Công ty A để giải quyết công nợ còn tồn đọng. Sau nhiều lần trao đổi và làm việc, đến ngày 15/9/2022, Hai bên mới xác nhận tổng số tiền PVC LAND còn nợ Công ty A là 1.201.824.050 đồng. Tổng số công nợ này một lần nữa được Công ty A xác nhận thông qua Công văn số 906.03/2023/HLH/PVC LAND ngày 11/4/2023 của Công ty A với nội dung cụ thể như sau: Tổng số nợ của PVC LAND đối với Công ty A tính đến ngày 11/4/2023 là 1.201.824.050 đồng; trường hợp PVC LAND thanh toán cho Công ty A theo tiến độ như sau, thì Công ty A đồng ý giảm trừ một phần (cụ thể số tiền giảm là 301.824.050 đồng), tổng số tiền nợ PVC LAND còn phải thanh toán chỉ là 900.000.000 đồng, đó là:

+ Chậm nhất ngày 11/4/2023, PVC LAND thanh toán cho Công ty A 400.000.000 đồng;

+ Từ ngày 05 đến 10 các tháng tiếp theo, PVC LAND thanh toán cho Công ty A 100.000.000 đồng mỗi tháng cho đến ngày 10/9/2023 (thời gian hoàn thành thanh toán).

Trên cơ sở số liệu công nợ đã xác nhận giữa hai bên và yêu cầu của Công ty A tại công văn số 906.03/2023/HLH/PVC LAND ngày 11/4/2023, PVC LAND đã thực hiện thanh toán đầy đủ theo đúng tiến độ được yêu cầu tại công văn nêu trên, Công ty PVC LAND đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ của Công ty A vào ngày 10/9/2023. Kể từ thời điểm PVC LAND hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, đến nay Công ty A vẫn không phối hợp ký biên bản thanh lý Hợp đồng để PVC LAND hoàn thiện hồ sơ kế toán, mặc dù PVC LAND đã nhiều lần yêu cầu Công ty A. Từ những phân tích trên đây, việc Công ty A yêu cầu PVC LAND thanh toán tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo Hợp đồng là không có cơ sở. Do vậy, PVC LAND đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày ở trên. Đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trên. Đồng thời, bị đơn khẳng định: PVC LAND và Công ty A đã ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ số 427-16 ngày 11/4/2016 và các phụ lục hợp đồng là đúng quy định pháp luật, bảo đảm điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Điều 117 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Đơn khởi kiện của Công ty A, nội dung tự khai của PVC LAND và các chứng cứ được cung cấp và giao nộp cho Tòa án, tính đến ngày mở phiên tòa xét xử vụ kiện, PVC LAND và Công ty A đều thừa nhận hợp đồng có hiệu lực pháp lý. Về việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, PVC LAND đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Căn cứ quy định của: Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định “*Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”; Điều 513 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định “*Hợp đồng dịch vụ là sự thoả thuận giữa các bên,*

theo đó bên cung ứng dịch vụ thực hiện công việc cho bên sử dụng dịch vụ, bên sử dụng dịch vụ phải trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ”; Điều 515 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ “Trả tiền dịch vụ cho bên cung ứng dịch vụ theo thỏa thuận”. Do vậy, trong quá trình thực hiện Hợp đồng dịch vụ, PVC LAND đã thanh toán tiền sử dụng dịch vụ theo đúng thỏa thuận giữa hai bên theo yêu cầu của Công ty A và hoàn thành nghĩa vụ thanh toán vào ngày 10/9/2023. Hiện tại, Công ty PVC LAND không còn nợ Công ty A bất cứ khoản tiền nào. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A và Công ty cổ phần B, phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số doanh nghiệp: 0307230846 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 19/02/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 15/6/2023, xác định Công ty cổ phần B có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: 65 đường Mai Chí Thọ, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Trong quá trình tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, đối tượng tranh chấp không phải là tài sản công hoặc lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở. Do vậy, áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 11/4/2016, Công ty A cùng Công ty PVC LAND có ký hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 427-16/HLH/PTVNLM và Phụ lục số 427-16.1/HLH/PTVNLM ngày 01/4/2016; Phụ lục số 427-16.2/HLH/PTVNLM ngày 10/10/2016; Phụ lục số 427-16.3/HLH/PTVNLM ngày 11/12/2016; Phụ lục số 427-16.4/HLH/PTVNLM ngày 09/4/2017; Phụ lục số 427-16.5/HLH/PTVNLM ngày 10/10/2017; Phụ lục số 427-16.6/HLH/PTVNLM ngày 11/4/2018; Phụ lục số 427-16.7/HLH/PTVNLM ngày 11/10/2018; Phụ lục số 427-16.8/HLH/PTVNLM ngày 10/4/2019. Lần đối chiếu công nợ cuối cùng giữa bên là ngày 15/9/2022, hai bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ đến ngày 15/9/2022, Công ty PVC LAND còn nợ Công ty A tổng số

tiền là 1.201.824.050 đồng, đã được Công ty A xác nhận thông qua Công văn số 906.03/2023/HLH/PVC LAND ngày 11/4/2023 của Công ty A với nội dung cụ thể như sau: Tổng số nợ của PVC LAND đối với Công ty A tính đến ngày 11/4/2023 là 1.201.824.050 đồng; trường hợp PVC LAND thanh toán cho Công ty A theo tiến độ như sau thì Công ty A đồng ý giảm trừ một phần tiền nợ (cụ thể số tiền giảm là 301.824.050 đồng), PVC LAND còn phải thanh toán là 900.000.000 đồng, đó là:

+ Chậm nhất ngày 11/4/2023, PVC LAND thanh toán cho Công ty A 400.000.000 đồng;

+ Từ ngày 05 đến 10 các tháng tiếp theo, PVC LAND thanh toán cho Công ty A 100.000.000 đồng mỗi tháng cho đến ngày 10/9/2023 (thời gian hoàn thành thanh toán).

[3.2] Trên cơ sở số liệu công nợ đã xác nhận giữa Hai bên và yêu cầu của Công ty A tại công văn số 906.03/2023/HLH/PVC LAND ngày 11/4/2023, PVC LAND đã thực hiện thanh toán đầy đủ theo đúng tiến độ được yêu cầu tại công văn nêu trên, được thể hiện tại các chứng từ thanh toán của PVC LAND giao nộp cho Tòa án, bao gồm: Giấy ủy nhiệm chi ngày 11/4/2023 đã thanh toán số tiền 400.000.000 đồng; Giấy ủy nhiệm chi ngày 10/5/2023 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng; Giấy ủy nhiệm chi ngày 10/6/2023 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng; Giấy ủy nhiệm chi ngày 10/7/2023 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng; Giấy ủy nhiệm chi ngày 10/8/2023 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng và Giấy ủy nhiệm chi ngày 09/9/2023 đã thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, PVC LAND đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ công nợ của Công ty A vào ngày 10/9/2023, giữa hai bên không phát sinh khoản nợ nào khác.

[3.3] Xét thấy, hai bên đã tổng kết, đối chiếu và xác nhận công nợ cuối cùng, Công ty A đã đồng ý giảm trừ một phần khoản nợ (cụ thể số tiền giảm là 301.824.050 đồng) theo công văn số 906.03/2023/HLH/PVC LAND ngày 11/4/2023, chỉ yêu cầu phía Công ty PVC LAND thanh toán số tiền 900.000.000 đồng. Thế nhưng, sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán thì Công ty A lại yêu cầu PVC LAND thanh toán tiền 403.015.955 đồng, là khoản tiền lãi phát sinh do phía PVC LAND chậm thanh toán theo hợp đồng trước thời điểm các bên đối chiếu, xác nhận công nợ cuối cùng là không có căn cứ. Từ những phân tích và nhận định tại mục [3.1] và mục [3.2] thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với diễn biến thực tế của việc xác nhận nợ và trả nợ giữa hai bên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 và Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;

Căn cứ vào các Điều 74, 75, 78, 79, 82, 85, 86 và Điều 87 của Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán ngay số tiền 403.015.955 đồng là khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo hợp đồng, tính đến ngày 09/09/2023.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 20.120.638 đồng buộc Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.060.319 đồng mà Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0001847 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ A còn phải nộp thêm số tiền 10.060.319 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên